

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận kết quả thi và công nhận đạt chuẩn đầu ra tin học
kỳ thi Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản - Đợt thi ngày 25/12/2022**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

Căn cứ Nghị định số 31/NĐ-CP ngày 04/04/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19/11/2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên về việc Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 28/QN-HĐT ngày 05/9/2022 của Hội đồng trường trường Đại học Nông Lâm về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24/8/2018 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và truyền thông về việc quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Quyết định số 1096/QĐ-ĐT ngày 22/8/2017 của Trường Đại học Nông Lâm về việc ban hành chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học Quy định miễn học, miễn thi và chuyển điểm học phần tiếng Anh đối với sinh viên hệ chính quy trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ quyết định số 1103/QĐ-ĐHNL-NNTH ngày 21/12/2022 của Trường ĐHNL về việc Tổ chức thi Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản - Đợt thi ngày 25/12/2022;

Căn cứ quyết định số 1104/QĐ-ĐHNL-NNTH ngày 21/12/2022 của trường ĐHNL về việc Thành lập Hội đồng thi và các ban chức năng kỳ thi Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản - Đợt thi ngày 25/12/2022;

Căn cứ Báo cáo của Hội đồng thi về kết quả thi;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ Tin học Ứng dụng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thi và công nhận đạt chuẩn đầu ra tin học kỳ thi Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản - Đợt thi ngày 25/12/2022, Đối tượng sinh viên Trường Đại học Nông Lâm (có danh sách thí sinh và kết quả kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ Tin học Ứng dụng, Thủ trưởng các đơn vị liên quan, Hội đồng thi và các thí sinh ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như điều 3 (T/h);
- BGH (B/c);
- Lưu: VT, NNTH.


HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Hưng Quang

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THI ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

Đối tượng Sinh viên Trường Đại học Nông Lâm

(Kèm theo Quyết định số 1138/QĐ-ĐHNL-NNTH ngày 28/12/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHNL)

STT	Mã Sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi Sinh	Lớp quản lý	Điểm		Đạt CĐR tin học	Ghi chú
									LT	TH		
1	DTN205VB20025	Mai Thị Lan	Anh	29/12/1994	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	VB2 QLĐĐ 52	6,25	6,25	Đạt	
2	DTN1951200002	Nguyễn Quỳnh	Anh	12/01/2001	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	KDQTK51	5,5	8,5	Đạt	
3	DTN2154120236	Dương Thị	Ánh	14/02/2003	Nữ	Tày	Lạng Sơn	QLDD 53	5,75	9	Đạt	
4	DTN205VB20019	Vũ Thị	Bạch	15/09/1982	Nữ	Kinh	Nam Định	VB2 QLĐĐ 52	5,75	5,25	Đạt	
5	DTN1951010009	NGUYỄN THANH	BÌNH	18/06/2001	Nam	Kinh	Thái Nguyên	NNCNCK51	5,25	5,25	Đạt	
6	DTN2154120279	Nguyễn Hữu	Bình	05/07/2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên	QLDD 53	5,75	7,25	Đạt	
7	DTN1854120005	GIÀNG SEO	Boa	16/06/2000	Nữ	H'Mông	Hà Giang	QLĐĐ K50	4,5	6	Không đạt	
8	DTN205VB20012	Nguyễn Thị	Châm	09/02/1984	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	VB2 QLĐĐ 52	4,75	6,25	Không đạt	
9	DTN1854120013	NGUYỄN VĂN	CHINH	19/10/2000	Nam	Kinh	Thái Nguyên	QLĐĐ K50	7	7	Đạt	
10	DTN205VB20014	Hoàng Đại	Dân	27/03/1991	Nam	Kinh	Thái Nguyên	VB2 QLĐĐ 52	7,5	8,5	Đạt	
11	DTN1953110007	MA THỊ	DIỄM	09/07/2001	Nữ	Tày	Thái Nguyên	KHMTK51	6,5	6,5	Đạt	
12	DTN205VB20007	Nông Tiến	Dũng	21/08/1994	Nam	Tày	Thái Nguyên	VB2 QLĐĐ 52	5,75	9,25	Đạt	
13	DTN1953160002	BÙI TÙNG	DƯƠNG	30/05/2001	Nam	Kinh	Thái Nguyên	QLTNRK51	7,75	7,75	Đạt	
14	DTN1554120033	Nguyễn Trần Tuấn	Dương	24/11/1996	Nam	Tày	Bắc Kạn	QLDD48N02	4,75	6,5	Không đạt	
15	DTN1653050411	Phạm Thành	Đạt	09/11/1998	Nam	Kinh	Hòa Bình	QLDD48N02	7,25	7,25	Đạt	
16	DTN1454120059	Nguyễn Văn	Đức	11/02/1996	Nam	Kinh	Thái Nguyên	QLDD46N03	7,25	7,25	Đạt	

STT	Mã Sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi Sinh	Lớp quản lý	Điểm		Đạt CDR tin học	Ghi chú
									LT	TH		
17	DTN1653040008	Hồ Mạnh	Hà	17/09/1998	Nam	Mông	Sơn La	KTNN48	7,5	10	Đạt	
18	DTN1953070009	TRẦN VĂN	HÀO	24/10/2001	Nam	Kinh	Thái Nguyên	TTK51	3,75	2,75	Không đạt	
19	DTN205VB20009	Nguyễn Thanh	Hòa	15/07/1994	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	VB2 QLĐĐ 52	7	10	Đạt	
20	DTN1953070004	VŨ THỊ THANH	HOÀI	16/10/2001	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	TTK51	5,25	7,25	Đạt	
21	DTN205VB20023	Nguyễn Văn	Huy	02/05/1995	Nam	Kinh	Thái Nguyên	VB2 QLĐĐ 52	5,25	7,25	Đạt	
22	DTN205VB20026	Nguyễn Thu	Hương	18/03/1990	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	VB2 QLĐĐ 52	6,75	8,25	Đạt	
23	DTN2154120273	Nguyễn Nam	Khánh	03/01/2003	Nam	Kinh	Quảng Ninh	QLDD 53	6	8,5	Đạt	
24	DTN1953160015	VŨ THỊ NGỌC	LAN	01/07/2001	Nữ	Kinh	Tuyên Quang	QLTNRK51	6	9	Đạt	
25	DTN1958510010	TRẦN TUẤN	LINH	08/07/1995	Nam	Kinh	Thái Nguyên	QLTN&MTK51	5,75	10	Đạt	
26	DTN205VB20001	Ngô Văn	Lực	13/02/1989	Nam	Kinh	Thái Nguyên	VB2 QLĐĐ 52	6,5	9	Đạt	
27	DTN1954120012	CHU NGỌC	MINH	09/12/2001	Nữ	Tày	Thái Nguyên	QLDDK51	5,5	10	Đạt	
28	DTN2054120014	Bùi Thúy	Ngân	24/09/1990	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	LTQLDDK52	4,5	9,5	Không đạt	
29	DTN205VB20034	Nguyễn Thị	Nhân	04/08/1992	Nữ	Kinh	Hà Nội	VB2 QLĐĐ 52	4,75	6	Không đạt	
30	DTN205VB20013	Dương Thị	Nhung	07/10/1988	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	VB2 QLĐĐ 52	4,5	9,75	Không đạt	
31	DTN1958510022	HÀ THỊ	PHƯƠNG	21/03/2001	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	QLTN&MTK51	4,25	7,25	Không đạt	
32	DTN2154120105	Hoàng Thị Lê	Phương	13/01/2003	Nữ	Nùng	Cao Bằng	QLDD 53	4,75	9,25	Không đạt	
33	DTN205LT40101	Lương Thị	Quyên	07/07/1994	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	LTKTNN 52	6	8	Đạt	
34	DTN1954120007	NGUYỄN VĂN	THÀNH	01/11/2001	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc	QLDDK51	5	10	Đạt	
35	DTN1953110015	LÝ THANH	THIÊN	14/11/2001	Nam	Tày	Tuyên Quang	KHMTK51	7,25	9	Đạt	
36	DTN1953110017	VƯƠNG THỊ THU	THẢO	29/10/2001	Nữ	Nùng	Thái Nguyên	KHMTK51	8,5	9	Đạt	
37	DTN2154120201	Phan Thị	Thoa	29/07/2003	Nữ	Kinh	Bắc Ninh	QLDD 53	5,25	8,75	Đạt	
38	DTN1953070006	LÝ THỊ	THU	10/03/2001	Nữ	Sán Dìu	Thái Nguyên	TTK51	7	9,5	Đạt	

STT	Mã Sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi Sinh	Lớp quản lý	Điểm		Đạt CDR tin học	Ghi chú
									LT	TH		
39	DTN205VB20015	Nguyễn Thị	Thương	28/11/1991	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	VB2 QLĐĐ 52	3,75	9,75	Không đạt	
40	DTN1955150002	VI THẾ	TRUNG	05/10/1999	Nam	Tày	Lạng Sơn	TTK51	6,5	9	Đạt	
41	DTN205VB20005	Lê Minh	Tú	27/11/1989	Nam	Kinh	Thái Nguyên	VB2 QLĐĐ 52	5,75	7	Đạt	
42	DTN205VB20008	Nguyễn Ngọc	Tú	17/10/1994	Nam	Kinh	Thái Nguyên	VB2 QLĐĐ 52	6,25	9,5	Đạt	
43	DTN1953110009	TRIỆU THỊ THUY	VÂN	09/08/2001	Nữ	Dao	Thái Nguyên	KHMTK51	7	9,75	Đạt	
44	DTN1953160004	LÊ ĐỨC	VĨ	28/08/2001	Nam	Kinh	Ninh Bình	QLTNRK51	4,25	3,5	Không đạt	
45	DTN1953110013	NGUYỄN VĂN	VŨ	23/03/2001	Nam	Tày	Bắc Kạn	KHMTK51	3,75	7,5	Không đạt	
46	DTN205VB20003(LT)	Bùi Thị	Yến	07/09/1995	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	LTQLDDK52	6	7,75	Đạt	
47	DTN1958510009	NGUYỄN HẢI	YÊN	05/11/2001	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	QLTN&MTK51	5,5	8	Đạt	

Ấn định danh sách: 47 sinh viên

Số sinh viên đăng ký dự thi	47
Số sinh viên dự thi phần thi Thực hành	47
Số sinh viên vắng thi phần thi Thực hành	0
Số sinh viên dự thi phần thi Lý thuyết	47
Số sinh viên vắng thi phần thi Lý thuyết	0
Số sinh viên vi phạm quy chế thi	0
Số sinh viên đạt Chuẩn đầu ra Tin học	35
Số sinh viên không đạt Chuẩn đầu ra Tin học	12

(Chữ ký)



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CÔNG NHẬN DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA TIN HỌC
KỲ THI ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN**

Đối tượng Sinh viên Trường Đại học Nông Lâm

(Kèm theo Quyết định số 1158/QĐ-ĐHNL-NNTH ngày 28/12/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHNL)

STT	Mã Sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi Sinh	Lớp quản lý	Điểm		Đạt CDR tin học	Ghi chú
									LT	TH		
1	DTN205VB20025	Mai Thị Lan	Anh	29/12/1994	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	VB2 QLĐĐ 52	6,25	6,25	Đạt	
2	DTN1951200002	Nguyễn Quỳnh	Anh	12/01/2001	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	KDQTK51	5,5	8,5	Đạt	
3	DTN2154120236	Dương Thị	Ánh	14/02/2003	Nữ	Tày	Lạng Sơn	QLDD 53	5,75	9	Đạt	
4	DTN205VB20019	Vũ Thị	Bạch	15/09/1982	Nữ	Kinh	Nam Định	VB2 QLĐĐ 52	5,75	5,25	Đạt	
5	DTN1951010009	NGUYỄN THANH	BÌNH	18/06/2001	Nam	Kinh	Thái Nguyên	NNCNCK51	5,25	5,25	Đạt	
6	DTN2154120279	Nguyễn Hữu	Bình	05/07/2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên	QLDD 53	5,75	7,25	Đạt	
7	DTN1854120013	NGUYỄN VĂN	CHINH	19/10/2000	Nam	Kinh	Thái Nguyên	QLĐĐ K50	7	7	Đạt	
8	DTN205VB20014	Hoàng Đại	Dân	27/03/1991	Nam	Kinh	Thái Nguyên	VB2 QLĐĐ 52	7,5	8,5	Đạt	
9	DTN1953110007	MA THỊ	DIỄM	09/07/2001	Nữ	Tày	Thái Nguyên	KHMTK51	6,5	6,5	Đạt	
10	DTN205VB20007	Nông Tiến	Dũng	21/08/1994	Nam	Tày	Thái Nguyên	VB2 QLĐĐ 52	5,75	9,25	Đạt	
11	DTN1953160002	BÙI TÙNG	DƯƠNG	30/05/2001	Nam	Kinh	Thái Nguyên	QLTNRK51	7,75	7,75	Đạt	
12	DTN1653050411	Phạm Thành	Đạt	09/11/1998	Nam	Kinh	Hòa Bình	QLDD48N02	7,25	7,25	Đạt	
13	DTN1454120059	Nguyễn Văn	Đức	11/02/1996	Nam	Kinh	Thái Nguyên	QLDD46N03	7,25	7,25	Đạt	
14	DTN1653040008	Hồ Mạnh	Hà	17/09/1998	Nam	Mông	Sơn La	KTNN48	7,5	10	Đạt	
15	DTN205VB20009	Nguyễn Thanh	Hòa	15/07/1994	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	VB2 QLĐĐ 52	7	10	Đạt	
16	DTN1953070004	VŨ THỊ THANH	HOÀI	16/10/2001	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	TTK51	5,25	7,25	Đạt	
17	DTN205VB20023	Nguyễn Văn	Huy	02/05/1995	Nam	Kinh	Thái Nguyên	VB2 QLĐĐ 52	5,25	7,25	Đạt	

STT	Mã Sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi Sinh	Lớp quản lý	Điểm		Đạt CDR tin học	Ghi chú
									LT	TH		
18	DTN205VB20026	Nguyễn Thu	Hương	18/03/1990	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	VB2 QLĐB 52	6,75	8,25	Đạt	
19	DTN2154120273	Nguyễn Nam	Khánh	03/01/2003	Nam	Kinh	Quảng Ninh	QLDD 53	6	8,5	Đạt	
20	DTN1953160015	VŨ THỊ NGỌC	LAN	01/07/2001	Nữ	Kinh	Tuyên Quang	QLTNRK51	6	9	Đạt	
21	DTN1958510010	TRẦN TUẤN	LINH	08/07/1995	Nam	Kinh	Thái Nguyên	QLTN&MTK51	5,75	10	Đạt	
22	DTN205VB20001	Ngô Văn	Lực	13/02/1989	Nam	Kinh	Thái Nguyên	VB2 QLĐB 52	6,5	9	Đạt	
23	DTN1954120012	CHU NGỌC	MINH	09/12/2001	Nữ	Tày	Thái Nguyên	QLDDK51	5,5	10	Đạt	
24	DTN205LT40101	Lương Thị	Quyên	07/07/1994	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	LTKTNN 52	6	8	Đạt	
25	DTN1954120007	NGUYỄN VĂN	THÀNH	01/11/2001	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc	QLDDK51	5	10	Đạt	
26	DTN1953110015	LÝ THANH	THIÊN	14/11/2001	Nam	Tày	Tuyên Quang	KHMTK51	7,25	9	Đạt	
27	DTN1953110017	VƯƠNG THỊ THU	THẢO	29/10/2001	Nữ	Nùng	Thái Nguyên	KHMTK51	8,5	9	Đạt	
28	DTN2154120201	Phan Thị	Thoa	29/07/2003	Nữ	Kinh	Bắc Ninh	QLDD 53	5,25	8,75	Đạt	
29	DTN1953070006	LÝ THỊ	THƯ	10/03/2001	Nữ	Sán Diu	Thái Nguyên	TTK51	7	9,5	Đạt	
30	DTN1955150002	VI THẾ	TRUNG	05/10/1999	Nam	Tày	Lạng Sơn	TTK51	6,5	9	Đạt	
31	DTN205VB20005	Lê Minh	Tú	27/11/1989	Nam	Kinh	Thái Nguyên	VB2 QLĐB 52	5,75	7	Đạt	
32	DTN205VB20008	Nguyễn Ngọc	Tú	17/10/1994	Nam	Kinh	Thái Nguyên	VB2 QLĐB 52	6,25	9,5	Đạt	
33	DTN1953110009	TRIỆU THỊ THÙY	VÂN	09/08/2001	Nữ	Dao	Thái Nguyên	KHMTK51	7	9,75	Đạt	
34	DTN205VB20003(LT)	Bùi Thị	Yến	07/09/1995	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	LTQLDDK52	6	7,75	Đạt	
35	DTN1958510009	NGUYỄN HẢI	YẾN	05/11/2001	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	QLTN&MTK51	5,5	8	Đạt	
Ấn định danh sách 35 sinh viên.												